

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông Vận tải; Chuyên ngành: Xây dựng Cầu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ VĂN HIẾN

2. Ngày tháng năm sinh: 29/08/1984; Nam ☒ Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 402 nhà A6, trường Đại học Giao thông Vận tải, số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0981110910; E-mail: hienlv@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Cơ quan công tác	Công việc/Chức vụ
01/2008-01/2010	Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình, Trường ĐH GTVT	Trợ giảng/Tập sự
01/2010-10/2012	Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình, Trường ĐH GTVT	Giảng viên
10/2012-10/2015	Khoa Đổi mới đô thị, Đại học Quốc lập Yokohama, Nhật bản	Nghiên cứu sinh
10/2015-10/2019	Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình, Trường ĐH GTVT	Giảng viên
10/2019-Nay	Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình, Trường ĐH GTVT	Giảng viên/Phó trưởng Bộ môn

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng bộ môn Trắc địa; Chức vụ cao nhất đã qua: Không

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Địa chỉ cơ quan: số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243 7663441

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Ứng viên chưa nghỉ hưu.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 17 tháng 07 năm 2007; số văn bằng: A0019788; ngành: Trắc địa; Nơi cấp bằng Đại học (trường, nước): Trường Đại học Mỏ-Địa Chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 30 tháng 09 năm 2010; số văn bằng: A004792; ngành: Kỹ thuật (Trắc địa); chuyên ngành: Kỹ thuật Trắc địa; Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường Đại học Mỏ-Địa Chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 25 tháng 09 năm 2015; số văn bằng: 14; ngành: Đổi mới đô thị (Urban Innovation); chuyên ngành: Quan trắc công trình; Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Đại học Quốc gia Yokohama, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Ứng viên chưa được bổ nhiệm PGS

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông Vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Xây dựng Cầu, Giao thông Vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Hướng nghiên cứu 1:* Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trắc địa hiện đại và phương pháp xử lý dữ liệu tiên tiến trong quan trắc sức khoẻ công trình cầu hệ dây;

- *Hướng nghiên cứu 2:* Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa phục vụ xây dựng công trình giao thông.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 đề tài cấp Trường.
- Đã công bố 37 bài báo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính (hoặc tác giả liên hệ duy nhất) sau tiến sĩ.
- Số lượng sách đã xuất bản: 01 - là giáo trình phục vụ đào tạo bậc đại học và cao học;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Trong thời gian tham gia giảng dạy ở Trường ĐH Giao thông Vận tải, từ tháng 1/2008 đến nay, ứng viên thường xuyên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”.

- *Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm học:*

Năm học 2017-2018 (QĐ số 1669/QĐ-ĐH GTVT ngày 24/08/2018);

Năm học 2019-2020 (QĐ số 1651/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/10/2020);

Năm học 2022-2023 (QĐ số 2058/ QĐ-ĐHGTVT ngày 17/09/2023);

Năm học 2023-2024 (QĐ số 239/ QĐ-ĐHGTVT ngày 17/01/2025);

- *Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và Giấy khen hiệu trưởng các năm học:*

Năm học 2018-2019 (QĐ số 1785/QĐ-ĐH GTVT ngày 27/08/2019);

- *Danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong các năm học:*

Năm học 2008-2009 (QĐ số 2040/QĐ-CTCT&SV ngày 15/09/2009);

Năm học 2009-2010 (QĐ số 1462/QĐ-CTCT&SV ngày 31/08/2010);

Năm học 2010-2011 (QĐ số 1857/QĐ-CTCT&SV ngày 16/09/2011);

Năm học 2011-2012 (QĐ số 1607/QĐ-CTCT&SV ngày 08/08/2012);

Năm học 2015-2016 (QĐ số 1584/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/08/2016);

Năm học 2016-2017 (QĐ số 1609/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/08/2017);

Năm học 2020-2021 (QĐ số 1846/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/10/2021);

Năm học 2021-2022 (QĐ số 1764/ QĐ-ĐHGTVT ngày 19/09/2022);

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Ứng viên không chịu các hình thức kỷ luật nào.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên là giảng viên có thâm niên giảng dạy 12 năm 6 tháng (không tính thời gian tập sự 02 năm và 03 năm đi học nghiên cứu sinh ở nước ngoài). Ứng viên đã giảng dạy nhiều thế hệ sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông tại khoa Công trình, ngành Kỹ thuật xây dựng tại khoa Kỹ thuật Xây dựng, ngành Quản lý xây dựng tại khoa Quản lý xây dựng, ngành kỹ thuật xây dựng công trình giao thông – chương trình tiên tiến tại khoa Quốc tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải. Từ năm 2016, ứng viên đã tham gia đào tạo trình độ thạc sỹ cho ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông và ngành Kỹ thuật Xây dựng. Nhiều sinh viên và học viên cao học mà ứng viên giảng dạy sau khi tốt nghiệp ra trường đi làm tại các công ty, viện nghiên cứu trong ngành Giao thông vận tải được đánh giá cao. Ứng viên cũng liên tục tự trao dồi kiến thức và tham gia vào các dự án khảo sát-thiết kế công trình giao thông để mở rộng thêm kiến thức chuyên môn, kiến thức thực tiễn để áp dụng trong công tác giảng dạy. Ứng viên tự nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo với các tiêu chí sau:

- *Về tư cách đạo đức:* Ứng viên luôn chấp hành nghiêm túc các đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Trường Đại học Giao thông Vận tải và nơi cư trú. Có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, luôn nỗ lực thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao; cởi mở, hoà đồng và sẵn sàng giúp đỡ sinh viên và đoàn kết gắn bó với đồng nghiệp.

- *Về công tác chuyên môn:* Trong quá trình công tác, với vị trí một giảng viên đại học, hằng năm ứng viên đã tích cực tham gia vào các công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cụ thể:

Hoạt động giảng dạy: tham gia giảng dạy các học phần được phân công trong chương trình Đại học (giảng dạy các môn trắc địa, trắc địa đại cương, trắc địa công trình, thực tập trắc địa) và trong chương trình sau đại học (môn kỹ thuật quan trắc công trình, trắc địa công trình), hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, làm đồ án tốt nghiệp, hướng dẫn học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp.

Bên cạnh đây ứng viên còn tham gia xây dựng chương trình đào tạo, viết đề cương một số học phần trong các chương trình đào tạo đại học và sau đại học của Bộ môn.

Hoạt động nghiên cứu khoa học: Ứng viên tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, chủ trì và tham gia các đề tài khoa học từ cấp cơ sở đến cấp Bộ. Các kết quả nghiên cứu của ứng viên và đồng nghiệp đã được công bố trên nhiều công trình khoa học trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, ứng viên đã tích cực tham gia vào Ban thư ký tổ chức nhiều kỳ Hội thảo quốc tế ICSCE có uy tín cao của trường Đại học GTVT.

Trong quá trình công tác, ứng viên luôn thực hiện các nhiệm vụ, công việc với tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên trau dồi kiến thức và từng bước nâng cao trình độ của bản thân. Ứng viên luôn đề cao sự sáng tạo, coi trọng sự trung thực, nghiêm túc và chuẩn mực trong giảng dạy và nghiên cứu. Ứng viên luôn coi trọng sự hợp tác, tinh thần làm việc nhóm và trách nhiệm cá nhân trong mọi công việc của mình và của tập thể.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 6 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			01		754.7	45	799.7/1082.67/215
2	2020-2021					460	0	460/589.22/202
3	2021-2022					418.5	45	463.5/649.57/229
03 năm học cuối								
4	2022-2023			02		280.5	0	280.5/280.35/212

5	2023-2024					343.6	0	343.6/427.63/212.5
6	2024-2025					399.5	36	435.5/482.87/187.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận án tiến sĩ tại nước: Nhật tháng 8/2015 bằng tiếng Anh.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Giao thông Vận tải

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Có khả năng giao tiếp và đọc hiểu tốt các tài liệu bằng tiếng Anh.

4. Hướng dẫn học viên cao học đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Văn Nhã		x	x		08/2019 đến 5/2020	Trường ĐH Mỏ-Địa Chất	20/05/2020
2	Trần Đức Anh		x	x		09/2022 đến 05/2023	Trường ĐH Mỏ-Địa Chất	07/07/2023
3	Trần Mạnh Giỏi		x	x		09/2022 đến 05/2023	Trường ĐH GTVT	07/07/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	---	--

							nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
...							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Trắc địa Công trình	GT	NXB GTVT, năm 2024	03	TS. Trần Quang Học	Viết và biên soạn chương 3	Xác nhận sử dụng sách ngày 27/06/2024

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
...					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu phương pháp lưu trữ dữ liệu quan trắc cầu Cần Thơ	CN	T2017-CT-109	1/2017-3/2018	14/3/2018 Tốt
2	Nghiên cứu phương pháp tiền xử lý dữ liệu GNSS-RTK trong quan trắc sức khoẻ kết cấu công trình cầu hệ dây nhíp lớn	CN	T2024-CT-009	1/2024-12/2024	24/12/2024 Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
I.1	Bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học chuyên ngành uy tín trong nước (0 bài)							
I.2	Bài báo công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học quốc tế (03 bài)							
1	GPS structural health monitoring of long-span cable stayed bridges considering	04	x	Proceedings of International Summer				09/2014

	environmental effects based on time-series analysis			Symposium, JSCE 2014, Osaka, Japan.				
2	Time-series analysis of GPS monitoring data from a long-span bridge considering the global deformation due to air temperature changes	02	x	Journal of Civil Structural Health Monitoring /ISSN: 2190-5452	SCIE, IF = 3.6	43	Vol.5, pp. 415–425	5/2015
	Link website của tạp chí: https://www.editorialmanager.com/cshm/default.aspx DOI: https://doi.org/10.1007/s13349-015-0124-9							
3	Statistical condition assessment of a cable stayed bridge using GPS structural health monitoring data	04	x	The 7th International Conference on Structural Health Monitoring of Intelligent Infrastructure-SHMII, Torino, Italy				7/2015
II Sau khi được công nhận TS								
II.1 Bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học chuyên ngành uy tín trong nước (21 bài)								
4	Nghiên cứu sự tương quan giữa gió, nhiệt độ và chuyển vị của một số vị trí trên cầu Cần Thơ	02		Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724			Số 54, trang 39-44	10/2016
5	Xây dựng mô hình dự báo chuyển vị của dầm chủ tại mặt cắt giữa nhịp chính cầu Cần Thơ từ số liệu quan trắc thông qua bài toán hồi quy	02		Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724			Số 55, trang 3-7	12/2016
6	Application of time series analysis for processing GPS long-term data of a cable-stayed bridge considering the temperature effects	02	x	International Conference on Smart Management of Infrastructures/ISBN: 978-604-76-1481-3			Trang 231-240	11/2017
7	Accuracy assessment of displacement measurements of cable-stayed bridge using GPS-RTK technology	04		Tạp chí Giao thông Vận tải. ISSN 2354-0818			Trang 351-354	11/2018

8	Đánh giá độ chính xác thành lập đường chuyên cấp 2 bằng công nghệ trạm tham chiếu hoạt động liên tục trong công tác khảo sát tuyến đường	03		Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724			Số 67, trang 24-32	12/2018
9	Nghiên cứu đánh giá độ chính xác số liệu quan trắc chuyển vị cầu dây văng theo phương đứng bằng kỹ thuật đo GPS-RTK	04	x	Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724			Số 67, trang 41-48	12/2018
10	Khảo sát độ chính xác bố trí tìm tuyến bằng công nghệ trạm tham chiếu hoạt động liên tục	03		Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724			Số 71(2), trang 70-79	02/2020
11	Nguyên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ đến biến dạng tổng thể và lực căng dây văng của cầu Trần Thị Lý	03		Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724			Tập 73, Số 5, trang 588-603	6/2021
12	Nghiên cứu ứng dụng mạng nơ-ron để phục hồi dữ liệu GNSS trong quan trắc cầu dây văng	04		Tạp chí Giao thông Vận tải. ISSN 2354-0818			Số 62, trang 67-71	11/2021
13	Nghiên cứu xử lý dữ liệu GNSS ứng dụng trong hệ thống quan trắc SHM của cầu dây văng	02	x	Hội nghị khoa học quốc gia về công nghệ địa không gian trong khoa học trái đất và môi trường			Trang 33-38	2021
14	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GNSS-RTK trong công tác đo vẽ mặt cắt địa hình công trình giao thông	03		Tạp chí Giao thông Vận tải. ISSN 2354-0818			Số 63, trang 69-72	11/2022
15	Phân tích tương quan giữa nhiệt độ và biến dạng tháp của cầu Trần Thị Lý dựa trên số liệu quan trắc	03		Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN 2354-0818			Số 63, trang 33-36	04/2022
16	Nghiên cứu ứng dụng trạm tham chiếu hoạt động liên tục trong khảo sát và bố trí tuyến đường	03	x	Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724	ACI		Tập 73, số 6, trang 604-613	8/2022
17	Khảo sát độ chính xác thành lập lưới khống chế độ cao	03	x	Tạp chí Cầu đường, ISSN 1859-459X			Số 5, trang 44-47	2022

	bằng công nghệ GNSS/CORS phục vụ khảo sát tuyến đường							
18	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quan trắc tự động cảnh báo an toàn công trình bên cảng	03		Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN 2354-0818			Số 64, trang 72-75	4/2023
19	Ứng dụng GNSS-RTK trong quan trắc chuyển dịch cầu dây văng ở Việt Nam và một số vấn đề trong xử lý dữ liệu quan trắc	04		Hội nghị khoa học quốc gia về công nghệ địa không gian trong khoa học trái đất và môi trường; ISBN: 978-604-357-178-3			Trang 213-221	9/2023
20	Nghiên cứu khảo sát độ chính xác ứng dụng trạm tham chiếu hoạt động liên tục (CORS) trong xây dựng công trình giao thông	03		Hội nghị khoa học quốc gia về công nghệ địa không gian trong khoa học trái đất và môi trường; ISBN: 978-604-357-178-3			Trang 1-9	9/2023
21	Nghiên cứu phương pháp tiền xử lý dữ liệu quan trắc liên tục GNSS của cầu dây văng nhiều trụ tháp	03	x	Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải ISSN 1859-2724	ACI		Tập 75, số 9, trang 2345-2355	12/2024
22	Nghiên cứu xây dựng mô hình chuyển vị tổng thể cầu dây văng nhịp lớn ở Việt Nam với dữ liệu quan trắc liên tục GNSS-RTK	03	x	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN 2354-0818			Tập 64, trang 90-93	11/2024
23	Giải pháp quan trắc chuyển dịch hầm đường sắt đô thị thi công bằng công nghệ khoan đào TBM	01	x	Tạp chí Xây dựng, ISSN: 2734-9888			Số 5, trang 218-221	5/2025
24	Xu hướng ứng dụng công nghệ xử lý số liệu hiện đại trong quan trắc sức khỏe công trình cầu	01	x	Tạp chí Cầu đường, ISSN 1859-459X			Số 6, trang 33-36	6/2025

II.2 Bài báo công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học quốc tế (13 bài báo)

25	A study on Accuracy Evaluation of GPS vertical monitoring outcome on main span of Can Tho bridge, Vietnam	03		The 8th International Conference on Structural Health Monitoring of Intelligent Infrastructure-				12/2017
----	---	----	--	---	--	--	--	---------

				SHMII, Brisbane, Australia;				
26	Outlier detection of ARIMA model coefficients estimated from GPS thermal deformation data for assessing structural condition of a cable-stayed bridge	02	x	The 8th International Conference on Structural Health Monitoring of Intelligent Infrastructure-SHMII, Brisbane, Australia;				12/2017
27	Structural change monitoring of a cable-stayed bridge by time-series modeling of the global deformation acquired by GPS	02	x	Journal of Civil Structural Health Monitoring.	SCIE, Q1, IF=3.6	31	Vol 9(5); pp 689-701	10/2019
Link website của tạp chí: https://www.editorialmanager.com/cshm/default.aspx DOI: https://doi.org/10.1007/s13349-019-00360-9								
28	A neural network approach for solving trafficflow forecasting based on the historical voyage datasets: A case study on Hai Phong roads.	05		Lecture Notes in Civil Engineering. Conference on Sustainability in Civil Engineering/ ISSN: 2366-2557	Scopus IF=0.13		Số 145, 337-342	04/2021
DOI: https://doi.org/10.1007/978-981-16-0053-1_42								
29	Research on Automated Monitoring to Access the Port Structure Inspection in Operating Offloading Vessel Test	03		Lecture Notes in Civil Engineering. Conference on Sustainability in Civil Engineering/ ISSN: 2366-2557	Scopus IF=0.13		Số 145, 277-285	04/2021
DOI: https://doi.org/10.1007/978-981-16-0053-1_35								
30	Study to apply Artificial Neural Network for Establishing Displacement Models of a Cable-Stayed Bridge	02		Lecture Notes in Civil Engineering. Conference on Sustainability in Civil Engineering; ISSN: 2366-2557;	Scopus IF=0.13		Vol. 334, pp 649-656	11/2022
DOI: https://doi.org/10.1007/978-981-99-2345-8_66								
31	Filtering Outliers in GNSS Time Series Data in Real-Time Bridge Monitoring	02		Lecture Notes in Civil Engineering. Conference on Sustainability in Civil Engineering; ISSN: 2366-2557;	Scopus IF=0.13		Vol. 334, pp 657-663	11/2022

DOI: https://doi.org/10.1007/978-981-99-2345-8_67								
32	Safety Warnings for Technical Status of Port Structure by Automatic Monitoring in Vietnam	03		Lecture Notes in Civil Engineering. Conference on Sustainability in Civil Engineering; ISSN: 2366-2557;	Scopus IF=0.13		Vol. 334, pp 664-671	11/2022
	DOI: https://doi.org/10.1007/978-981-99-2345-8_68							
33	Study to process abnormal data for GNSS monitoring system of a long-span cable-stayed bridge in Vietnam	01	x	Journal of Marterials and Engineering Structures - JMES; e-ISSN: 2170-127X	ESCI; IF =0.6		Vol. 9(4)	12/2022
	Link website của tạp chí: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3277 https://doaj.org/article/caee6ba8fc984ced88f228396964bf30							
34	A case study of processing GNSS abnormal monitoring data of a cable-stayed bridge in Vietnam	02	x	IOP Conf. Series: Materials Science and Engineering			Vol. 1289	8/2023
	DOI: https://doi.org/10.1088/1757-899X/1289/1/012035							
35	Study on the Application of Simultanerous Localization and Mapping Solution for Surveying Tasks: A Case Study of RS10 3D Handheld SLAM	03	x	Journal of Marterials and Engineering Structures - JMES; e-ISSN: 2170-127X	ESCI; IF =0.6		Vol. 11(4); 449-458	3/2025
	Link website tạp chí: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3703 https://doaj.org/article/de75613afe6f4d7cbf8d9dabf5c21150							
36	Investigating the Applicability of GNSS Technology for Monitoring Horizontal Displacement of Wharf Structures	03	x	Journal of Marterials and Engineering Structures - JMES; e-ISSN: 2170-127X	ESCI; IF =0.6		Vol. 11(4); 421-430	3/2025
	Link website tạp chí: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3743 https://doaj.org/article/220fb2acfb1947c6b23775b35630f8ee							
37	Investigation of the Impact of Flight Altitude on the Accuracy of Terrain Maps Generated Using UAV-LiDAR Technology	02	x	Lecture Notes in Civil Engineering. Conference on Sustainability in Civil Engineering; ISSN: 2366-2557	Scopus IF=0.13		Vol. 633(2) ; pp 345-353	6/2025

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS là **04** bài, trong đó có 01 bài thuộc danh mục SCIE, Q1 [27], và 03 bài thuộc danh mục ESCI bài số [33], [35] và [36].

7.2. *Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích*: Ứng viên không có bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.

7.3. *Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)*: Ứng viên không có giải thưởng quốc gia, quốc tế.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

Đối chiếu theo các quy định hiện hành, ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để đăng ký xét công nhận chức danh Phó giáo sư. Vì vậy, ứng viên không đề xuất các công trình khoa học thay thế cho các tiêu chuẩn không đủ so với quy định.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Ứng viên cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai ứng viên xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Lê Văn Hiến